

Số: 355/2018/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 300/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1973;

Nơi ĐKKH: Tổ 34, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên;

Bị đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 1976;

Nơi ĐKKH: Tổ 10, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn H và chị Lê Thị G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trịnh Văn H và chị Lê Thị G thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung:** Chị G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trịnh Văn T, sinh ngày 16/8/2002 và Trịnh Lê Quang V, sinh ngày 18/9/2014 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc con chung;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị G 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng, từ tháng 8/2018.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, chị G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh H không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng Anh H còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ **Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+**Về án phí:** Anh H tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí- lệ phí sang- theo biên lai thu số 0006316 ngày 11/5/2018 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Quang Trung
- Lưu HS;
- Lưu BPLH

THẨM PHÁN

Hoàng Thúy Kiên

